**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**NGỮ VĂN LỚP 6 - HỌC KÌ II**

**TUẦN 26 (20/4 – 25/4/20)**

**VĂN BẢN**

**CÔ TÔ**

**(Nguyễn Tuân)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=roHEHwxWGg4>

**Nội dung kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả (SGK)**

**2. Tác phẩm**

- Xuất xứ: 1960.

- Hoàn cảnh sáng tác: nhân chuyến ra thăm đảo Cô Tô, Nguyễn Tuân đã ghi lại những ấn tượng về thiên nhiên và con người ở vùng đảo này.

- Thể loại: kí.

- Phương thức biểu đạt: miêu tả, tự sự, biểu cảm.

- Bố cục: ba phần.

**II.** **Tìm hiểu văn bản**

**1. Toàn cảnh đảo Cô Tô sau cơn bão**

* Bầu trời trong sáng.
* Cây lại thêm xanh mượt.
* Nước biển lại lam biếc đặm đà hơn
* Cát lại vàng giòn hơn.
* Lưới càng thêm nặng.

→ Từ gợi tả, tính từ chỉ mức độ.

⇒ Khung cảnh bao la, vẻ đẹp tươi sáng.

**2. Cảnh mặt trời mọc**

* Chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính.
* Mặt trời nhú lên, tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ trứng thiên nhiên
* Như chiếc mâm bạc, mâm lễ phẩm

→ So sánh, từ gợi hình, gợi tả.

⇒ Miêu tả bức tranh đẹp, rực rỡ, tráng lệ của buổi bình minh.

**3. Cảnh sinh hoạt trên hòn đảo**

* Cái giếng nước ngọt không biết bao nhiêu là người, vui như cái bến.
* Mười tám thuyền lớn, nhỏ ra khơi.
* Thùng, cong gánh nối tiếp nhau đi về.
* Chị Châu Hoà Mãn địu con.

→ Cuộc sống bình yên, giản dị, hạnh phúc.

⇒ Thể hiện sự yêu mến, gắn bó với thiên nhiên, Tổ quốc.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Khắc họa hình ảnh tinh tế, chính xác, độc đáo.

- Sử dụng các phép so sánh mới lạ và từ ngữ giàu tính sáng tạo.

**2. Ý nghĩa**

Văn bản cho thấy vẻ đẹp độc đáo của thiên nhiên và người lao động trên biển đảo Cô Tô. Qua đó ta thấy được tình yêu quý của tác giả đối với mảnh đất quê hương.

**IV. LUYỆN TẬP**

**Câu 1: Đoạn trích Cô Tô được viết theo phương thức biểu đạt chính nào** ?

A: Biểu cảm

**B: Miêu tả**

C: Tự sự

D: Nghị luận

**Câu 2: Cô Tô là quần đảo thuộc đại phương nào?**

A: Vũng Tàu

B: Hải Phòng

C: Nghệ An

**D: Quảng Ninh**

**Bài tập nâng cao:**

**Câu 1:** Hình ảnh những người lao động của đảo Cô Tô hiện lên thật bình dị và đáng yêu. Em hãy chứng minh.

**Gợi ý:**

- Cơn bão vừa đi qua nhưng những con người nơi đây vẫn sinh hoạt và lao động bình thường.

- Tư thế của họ là tư thế của những người làm chủ hòn đảo, làm chủ biển trời.

- Họ vui vẻ, rộn ràng chuẩn bị cho những chuyến ra khơi.

- Hình ảnh người anh hùng Châu Hòa Mãn bình dị, phóng khoáng, tươi trẻ và đầy sức sống, tiêu biểu cho những chủ nhân trên biển đảo.

- Hình ảnh người vợ hiền dịu được ví như hình ảnh biển lặng, bình yên.

**Câu 2:** Chọn một đoạn trích mà em cho là hay nhất và viết lời bình cho đoạn văn đó.

**TIẾNG VIỆT**

**CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ LÀ VÀ**

**CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ LÀ**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://youtu.be/BbkXHx-pyVc>

<https://youtu.be/ITYkQwJXD5Y>

<https://youtu.be/cjSdB9GiX3c>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Câu trần thuật đơn là gì?**

***1. Ví dụ : (SGK/101)***

Học sinh ghi chú vào SGK:

*Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài(1). Rồi với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng( 2).*

*- Hức! (3) Thông ngách sang nhà ta?(4) Dễ nghe nhỉ?(5) Chú mầy hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.(6)Thôi im cái điệu bộ mưa dầm sùi sụt ấy đi.(7) Đào tổ nông thì cho chết!(8)*

*Tôi về không một chút bận tâm(9).*

**\* Các câu được dùng**:

- Câu 1, 2, 6, 9 => kể, tả, nêu ý kiến (câu trần thuật)

- Câu 4 => hỏi (câu nghi vấn)

- Câu 3, 5, 8 => bộc lộ cảm xúc (câu cảm thán)

- Câu 7 => cầu khiến (câu mệnh lệnh)

**\* Cấu tạo của các câu trần thuật đơn**

**- Câu 1:** Tôi /đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài.

CN VN

**- Câu 2:** *Tôi / mắng*

CN VN

**- Câu 6:** Chú mày / hôi như cú mèo thế này, ta / nào chịu được

CN VN CN VN

**- Câu 9**: Tôi /về không một chút bận tâm

CN VN

→ Do một cụm C-V tạo thành.

=> Câu trần thuật đơn.

***2. Ghi nhớ: (SGK/101)***

**II. Câu trần thuật đơn có từ là**

***1.Ví dụ: (SGK/114)***

a. Bà đỡ Trần/ là người huyện Đông Triều.

CN VN (là + CDT)

b. Truyền thuyết/ là loại truyện dân gian ...kì ảo.

CN VN (là + CDT)

c. Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô/ là một ngày trong trẻo, sáng sủa.

CN VN (là + CDT)

d. Dế Mèn trêu chị Cốc/ là dại.

CN VN (là + TT)

=> Câu trần thuật đơn có từ là

=> VN có thể kết hợp với cụm từ “không phải”, “chưa phải” để biểu thị ý phủ định.

***2. Ghi nhớ: (SGK/114)***

**III. Câu trần thuật đơn không có từ là:**

***1. Ví dụ: (SGK/118)***

a. Phú ông/ mừng lắm.

CN VN (CTT)

b. Chúng tôi/ tụ hội ở góc sân.

CN VN (CĐT)

=> Câu trần thuật đơn không có từ là

=> VN có thể kết hợp với “không”, “chưa” biểu thị ý phủ định.

***2. Ghi nhớ: (SGK/119)***

**VĂN BẢN**

**CÂY TRE VIỆT NAM**

***Thép Mới***

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=UfCGqQ24Occ>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả (SGK)**

**2. Tác phẩm**

- Xuất xứ:

- Hoàn cảnh sáng tác:

- Thể loại:

- Phương thức biểu đạt:

- Bố cục: gồm 4 phần.

+ Từ đầu -> “như người”: những phẩm chất của cây tre.

+ Tiếp theo -> “chung thuỷ”: tre gắn con người trong cuộc sống và lao động

+ Tiếp theo -> “anh hùng chiến đấu”: tre cùng con người chiến đấu bảo vệ quê hương

+ Còn lại: bạn của con người hiện tại và tương lai).

**II.** **Tìm hiểu văn bản**

**1. Những phẩm chất của cây tre**

- Mọc xanh tốt ở mọi nơi.

- Dáng vươn mộc mạc, màu xanh nhũn nhặn.

- Cứng cáp, dẻo dai, vững chắc

- Thanh cao, giản dị, chí khí như người.

→ Nhân hoá, so sánh.

→ Cây tre mang những phẩm chất tốt đẹp của con người.

**2. Hình ảnh cây tre trong lao động và chiến đấu**

- Bóng tre trùm lên bản làng.

- Tre, người vất vả quanh năm

- Tre: người nhà quan hệ khăng khít.

- Tre: đồng chí chiến đấu → cùng lí tưởng

- Tre: anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.

→ Nhân hoá.

→ Tre gắn bó với con người Viẹc Nam trong lao động và chiến đấu.

**3. Cây tre trong hiện tại và tương lai**

- Là bóng mát.

- Là ngừơi bạn đồng hành của dân tộc.

→ Lời văn giàu tính nhạc.

→ Cây tre là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Sử dụng nhiều chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng.

- Sử dụng rộng rãi và thành công phép nhân hóa.

- Lời văn giàu cảm xúc và nhạc điệu.

**2. Ý nghĩa**

**IV. Luyện tập**

**Câu 1:**

Tìm những câu ca dao, tục ngữ, thơ, truyện cổ tích nói đến cây tre.

**Câu 2:**

Viết đoạn văn cảm nghĩ của em về cây tre Việt Nam./.